

Phố Hiến, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường Phố Hiến về việc giao chỉ tiêu ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 27/6/2026 của UBND phường Phố Hiến về việc đề nghị điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2026, điều chỉnh tên nhiệm vụ chi; bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2026.

Văn phòng HĐND và UBND Phường Phố Hiến được giao thực hiện nhiệm vụ: “ Thay thế hệ thống âm thanh nhà văn hóa trung tâm phường Phố Hiến”. Để có cơ sở xây dựng dự toán nhiệm vụ được giao, Văn phòng HĐND và UBND phường đề nghị các cơ quan, tổ chức có đủ năng lực, kinh nghiệm về thẩm định giá tài sản gửi Hồ sơ quan tâm; gửi biểu giá phí thẩm định định giá” theo Phụ lục đính kèm về đơn vị;

Đề nghị các đơn vị thẩm định giá quan tâm gửi phí thẩm định giá thiết bị và hồ sơ năng lực trước **17 giờ 00 phút ngày 29 /8/2026** (trong giờ hành chính).

Nơi nhận: Văn phòng HĐND-UBND phường Phố Hiến; Địa chỉ: số 568, Đường Triệu Quang Phục, Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên; Điện thoại: 0987860092

Văn phòng HĐND và UBND phường Phố Hiến xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Hoàng Long

PHỤ LỤC DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ

Kèm theo Công văn số 83 /VP ngày 24 / 8/2026 của Văn phòng HĐND và UBND
Phường Phố Hiến

STT	Danh mục công việc	ĐVT	SL
1	2	3	4
1	Loa VR -MC-15	Đôi	4
	Loại hệ thống: Loa 2 đường tiếng, 2 củ loa, thùng cộng hưởng bass reflex.		
	Công suất định mức (RMS): 500 W		
	Công suất tối đa (Program): 1000 W		
	Công suất đỉnh (Peak): 2000 W		
	Trở kháng danh định: 8 Ω		
	Công suất ampli khuyến nghị: 800–1000 W ở tải 8 Ω		
	Độ nhạy danh định (1 W/1 m): 99 dB Maximum		
	Mức áp suất âm thanh tối đa (SPL): 126 dB khi cấp 500 W. 129 dB khi cấp 1000 W.		
	Dải tần đáp ứng (-10 dB): 49 Hz – 20 kHz		
	Góc phủ âm danh định (-6 dB): 90° theo phương ngang (H). 50° theo phương dọc (V).		
	Cấu hình củ loa (Transducer): Loa tần số thấp (loa bass): đường kính 15 inch (380 mm).		
2	Loa SUB VR-MC-218S	Cái	2
	Loại hệ thống: Loa siêu trầm (Subwoofer) kiểu trực tiếp, cấu hình 2 củ loa		
	Công suất định mức (RMS): 1600 W		
	Công suất đỉnh (Peak): 6400 W		
	Trở kháng danh định: 4 Ω		
	Công suất ampli khuyến nghị: 2500–3000 W ở tải 8 Ω		
	Độ nhạy danh định (1 W/1 m): 105 dB (đo trong không gian bán phần – Half Space).		
	Mức áp suất âm thanh tối đa (SPL): 138 dB khi cấp 2400 W. 144 dB khi cấp 9600 W.		
	Dải tần đáp ứng (-10 dB): 25 Hz – 300 Hz		
	Góc phủ âm danh định (-6 dB): 360° theo phương ngang. 360° theo phương dọc.		
	Cấu hình củ loa (Transducer configuration): Sử dụng củ loa (driver) của Ý (Italian driver). (Phần sau bị cắt nên không thấy đầy đủ model hoặc kích thước củ loa.)		
3	Công suất 4 kênh VR-VD4-1000	Cái	2
	Công suất RMS (8 Ω): 4 $\times$ 1000 W		
	Công suất RMS (4 Ω): 4 $\times$ 1500 W		
	Công suất RMS ở chế độ cầu (Bridge, 8 Ω): 2 $\times$ 3000 W		
	Đáp tuyến tần số: 20 Hz – 20 kHz ($\pm$ 0,5 dB)		
	Mạch khuếch đại đầu ra: Class TD		
	Tổng méo hài (THD): $\leq$ 0,05% @ 8 Ω , 1 kHz		
	Tỷ số tín hiệu trên nhiễu (S/N): $\geq$ 109 dB		





STT	Danh mục công việc	ĐVT	SL
	Tốc độ chuyển mạch (Slew Rate): 45 V/ μ s		
	Hệ số giảm chấn (Damping Factor): > 1000		
	Độ phân giải (Dynamic Range): > 100 dB @ 8 Ω , 1 kHz		
	Độ nhạy đầu vào: 0,775 V / 1,44 V		
	Trở kháng đầu vào: 20 k Ω (đầu vào cân bằng – Balanced). 10 k Ω (đầu vào không cân bằng – Unbalanced)		
	Các chức năng bảo vệ: Bảo vệ điện áp một chiều (DC). Bảo vệ ngắn mạch. Bảo vệ quá nhiệt		
	Khởi động mềm (Soft Start)		
	Các nút điều khiển và đèn báo ở mặt trước: Công tắc nguồn AC. Đèn báo nguồn (màu trắng). Đèn báo tín hiệu (màu xanh lá). Đèn báo bảo vệ (màu đỏ).		
	Thể tích sản phẩm: 0,05 m ³		
	Kích thước khung máy: Chuẩn rack 2U		
4	Công suất 2kênh VR-VD2-2500	Cái	1
	Công suất âm thanh Công suất Stereo ở 8 Ω : 2 $\times$ 2500 W. Công suất Stereo ở 4 Ω : 2 $\times$ 5000 W		
	Hiệu suất âm thanh Đáp tuyến tần số ($\pm 0,3$ dB, 1 W/8 Ω): 20 Hz – 34 kHz		
	Tổng méo hài (THD) ở 20 Hz – 20 kHz, 1 W: < 0,1%		
	Tỷ số tín hiệu trên nhiễu (S/N): > 112 dB		
	Độ tách kênh (Crosstalk) ở 1 kHz: > 70 dB. Kết nối		
	Cổng đầu vào: XLR cái (XLR Female)		
	Cổng đầu ra: Cọc đầu loa (Binding Posts)		
5	Vang VR- DS 4080	Cái	1
	Phần đầu vào (Input Section) Số kênh đầu vào: 4 kênh, cân bằng điện tử Cổng kết nối đầu vào: 10 k Ω . Trở kháng đầu vào: 10 k Ω		
	Tỷ số khử nhiễu đồng pha (Common Mode Rejection Ratio - CMRR): > 65 dB (từ 50 Hz đến 10 kHz).		
	Phần đầu ra (Output Section) Số kênh đầu ra: 8 kênh, cân bằng điện tử Trở kháng đầu ra: < 60 Ω Trở kháng tải khuyến nghị: 600 Ω . Mức tín hiệu đầu ra tối đa: +22 dBu.		
	Hiệu suất hoạt động (Performance Parameters) Tần số lấy mẫu âm thanh số (Digital Audio Sampling Rate): 192 kHz.		
	Đáp tuyến tần số: $\pm 0,5$ dB (20 Hz – 35 kHz)		
	Tỷ số tín hiệu trên nhiễu (S/N): > 110 dB		
	Tổng méo hài (THD): < 0,004% (1 kHz, +4 dBu)		
6	Bàn mixer LB EFX 16S	Cái	1
	Kênh đầu vào (Input Channel): 16 kênh mono XLR/TRS, sử dụng tiền khuếch		

C.N
HỒN
NHÃI
Y B/
N D.
- T.

CH
HON
ANH
Y. B.
O. N.
T.

STT	Danh mục công việc	ĐVT	SL
	đại micro XENYX Mic Preamp		
	Bộ cân bằng âm sắc (EQ) theo kênh: EQ 3 băng tần (Bass, Mid, Treble), trong đó dải Mid có thể điều chỉnh tần số. Hiệu ứng (Effects): Bộ xử lý hiệu ứng kép (Dual FX), gồm 2 bộ xử lý hiệu ứng độc lập		
	Hiệu ứng Hiệu ứng kép (Dual FX), 2 bộ xử lý hiệu ứng riêng		
	Nguồn Phantom: Nguồn Phantom 48V hỗ trợ cho từng kênh micro.		
	EQ đầu ra chính (Main EQ): Graphic EQ 7 băng tần.		
	Ngõ gửi tín hiệu (AUX) 7 cổng AUX Send, trong đó có 2 AUX dành cho hiệu ứng (AUX FX)		
	Nhóm kênh (Group): 4 nhóm (4 Group)		
	Bộ xử lý tín hiệu: Công nghệ Sigma-Delta Plus với âm thanh độ phân giải cao (Hi-Res Audio)		
	Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu (S/N): 110 dB / 112 dB (A-weighted)		
7	Quản lý nguồn	Cái	1
8	Tủ 16U	Cái	1
9	Dây loa 2x2,5 (dự toán)	M	200
10	Dây tín hiệu	M	100
11	Phụ kiện (dây tín hiệu , lưu trích , cắt trích ...)	Bộ	1
12	Công setup, lắp đặt	Gói	1

Yêu cầu:

- Giá đã bao gồm thuế (phí), công lắp đặt tại đơn vị.
- Bảo hành tại nơi sử dụng 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.



EN * MAR *